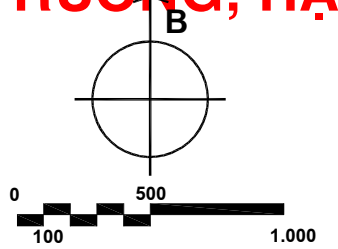
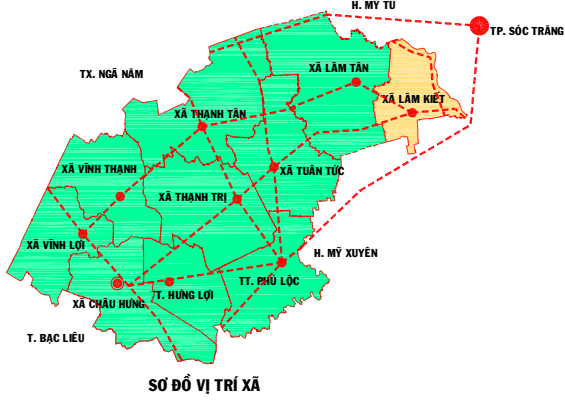


ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÃ LÂM KIẾT, HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

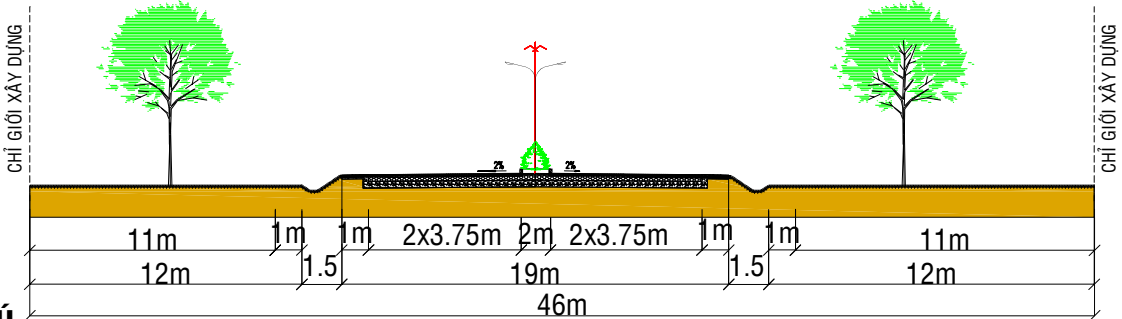
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG, HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT

TỶ LỆ: 1/5.000

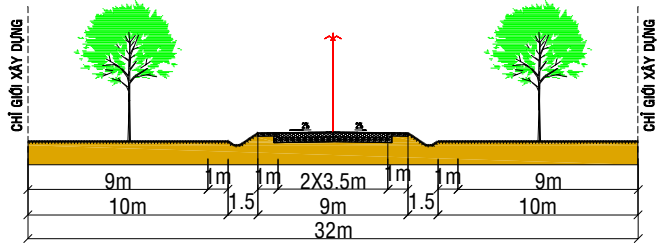


Khu vực chợ, hỗ trợ kinh tế nông nghiệp

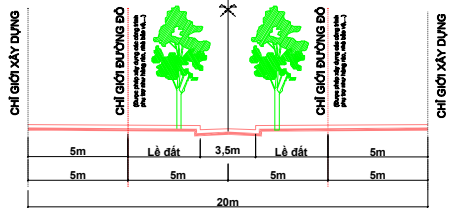
TT	Tên kênh mương - Công trình	Chiều dài (m)
1	SÔNG NHƯ GIA	6.720
2	KÊNH XÃNG TUÂN TỨC	1.345
3	KÊNH SA ĐI	1.690
4	KÊNH SA KEO	4.000
5	KÊNH ĐỀ	6.720
6	KÊNH CÂY MÈC	1.180
7	KÊNH CÔNG BUNG CỎI	750
8	KÊNH ỒNG HẢ	645
9	KÊNH ỒNG TÀ	1.435
10	KÊNH BÀ RẮC	1.490
11	KÊNH KIẾT THẮNG 4	490
12	KÊNH KIẾT THẮNG 5	460
13	KÊNH KIẾT THẮNG 6	440
14	KÊNH SÁU NHIỀU	960
15	RẠCH BẢO RỪA	2.500
16	KÊNH ỒNG BUNG	600
17	KÊNH KIẾT LỢI 1	600
18	KÊNH KIẾT LỢI 2	490
19	KÊNH KIẾT LỢI 3	565
20	KÊNH KIẾT LỢI 4	720
21	KÊNH KIẾT LỢI 5	480
22	KÊNH KIẾT LỢI 6	835
23	KÊNH KIẾT LỢI 7	710
24	KÊNH KIẾT LỢI 12	1.380
25	KÊNH TÁ LÍNH	1.690
26	KÊNH TRÁ ĐỎ 1	665
27	KÊNH TRÁ ĐỎ 2	560
28	KÊNH TRÁ ĐỎ 3	570
29	KÊNH TRÁ ĐỎ 5	670
30	KÊNH ỒNG BÀN	3.075
31	RẠCH BẢO BUNG	2.200
32	KÊNH ỒNG TƯỜNG	810
33	KÊNH ỒNG QUÉT	475
34	KÊNH ỒNG YẾN	820
35	KÊNH TƯ XE 2	1.755
36	KÊNH ỒNG ĐƯỢC	870
37	KÊNH HOÀNG ANH	1.000
38	KÊNH KIẾT THẮNG 1	720
39	KÊNH KIẾT THẮNG 2	600
40	KÊNH HƯƠNG LỘ	2.200
41	KÊNH KIẾT THẮNG 3	760
42	KÊNH KIẾT LỢI 8	800
43	KÊNH KIẾT LỢI 9	1.100
44	KÊNH KIẾT LỢI 10	1.100
45	KÊNH KIẾT LỢI 11	700
46	KÊNH TRÁ ĐỎ 4	1.020
47	KÊNH TRÁ ĐỎ 6	795
48	KÊNH ỒNG MÈN	350



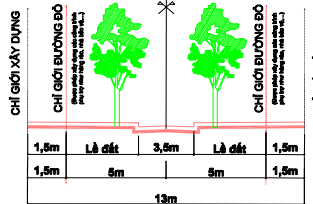
MC điển hình tuyến Đường tỉnh 940



MC điển hình các tuyến Đường huyện 61, 63



MC điển hình Đường trực xã, liên xã



MC điển hình Đường trực ấp, liên ấp, ngõ xóm

KÝ HIỆU:

ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA

ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT

ĐẤT SÔNG NGÒI KÊNH RẠCH

ĐẤT GIAO THÔNG

HUYỆN MỸ XUYỀN

PL-4: DANH MỤC GIAO THÔNG XÃ LÂM KIẾT											
STT	Tên đường	Ký hiệu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Mặt đường hiện trạng (m)	Kết cấu đường hiện trạng	Mặt cắt Quy hoạch	Kết cấu Quy hoạch	Lộ giới	Ghi Chú
ĐƯỜNG TỈNH					Hiện trạng 5,75 km	5,75					
1	Đường tỉnh 940	940	Ranh huyện Mỹ Tú	Ranh huyện Mỹ Xuyên	5,75	7,0	Nhựa	Lộ giới 46m	-		Theo QH Tỉnh Sóc Trăng từ kỳ 2021-2030, năm sản xuất năm 2010
ĐƯỜNG HUYỆN					Hiện trạng 8,8km	8,80					
1	Đường huyện 61	H61	Đường tỉnh 940	Ranh xã Lâm Tân	5,80	3,5	Nhựa	Phạm vi đất dành cho đường bộ 32m	-		Đường liên tỉnh
3	Đường huyện 63	H63	Đường huyện 61	Ranh xã Lâm Tân	2,20	3,5	Nhựa	Phạm vi đất dành cho đường bộ 32m	-		Đường liên tỉnh
ĐƯỜNG XÃ, LIÊN XÃ					Hiện trạng 5,10 km	5,10					
1	Lộ cấp kinh Trại Tân	A01	Đường huyện 61	Ranh xã Lâm Tân	1,80	3,5	BTCT	1,00 3,5 1,00	BTCT	20	Nâng cấp, giao lộ
2	Lộ Trung Tâm Xã	A02	Đường tỉnh 940	Đường huyện 61	2,80	3,5	BTCT	1,00 3,5 1,00	BTCT	20	Nâng cấp, giao lộ
ĐƯỜNG ẤP VÀ LIÊN ẤP					Hiện trạng 4,65 km	4,65					
1	Lộ ấp Kiết Bình	B01	Đường tỉnh 940	Ranh xã Lâm Tân	2,90	3,0	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
2	Lộ Kiết Thông - Kiết Thới	B02	Đường huyện 61	Lộ ấp Kiết Bình	1,75	3,0	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
ĐƯỜNG NGÕ XÓM					Đường đạt chuẩn cấp D: 23,68 km Chưa đạt chuẩn 2,87 km	26,25	Đạt: 90%				
1	Lộ Rạch Sa Kéo	C01	Đường tỉnh 940	Kênh Đường Lỗ	2,70	2,0	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
2	Lộ trước THCS Lâm Kiết	C02	Đường huyện 63	Đường huyện 61	0,30	3,5	BTCT	0,5 3,5 0,5	Nhựa	13	Nâng cấp, giao lộ
3	Lộ Kênh Lọt - Trại Do (Đoạn 1)	C03	Đường tỉnh 940	Cầu Trại Do	0,80	2,0	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
4	Lộ Kênh Lọt - Trại Do (Đoạn 2)	C03	Cầu Trại Do	Rạch Bào Rùa	1,90	3,0	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
5	Lộ Kênh Lọt - Trại Do (Đoạn 3)	C03	Rạch Bào Rùa	Lộ ấp Kiết Bình	1,80	1,5	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
6	Lộ cho Kênh Lọt	C04	Đường huyện 61	Đường huyện 63	0,40	4,0	BTCT	0,5 4,0 0,5	BTCT	6	Nâng cấp, giao lộ
7	Lộ nân ĐH61 - ĐH63	C05	Đường huyện 61	Đường huyện 63	0,60	2,0	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
8	Lộ nân Trùng Trại Kênh Lọt	C06	Lộ nân ĐH61 - ĐH63	Lộ cho Kênh Lọt	0,40	2,0	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
9	Lộ Kênh Ông Tạ - Phia Bắc	C07	Đường huyện 61	Lộ cấp kinh Đường Lỗ	0,65	2,0	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
10	Lộ Ngã Kênh Ông Tạ	C08	Đường huyện 61	Lộ cấp kinh Đường Lỗ	0,65	2,0	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
11	Lộ Kênh Ông Tạ - Phia Nam (Đoạn 1)	C09	Đường huyện 61	Lộ cấp kinh Đường Lỗ	0,60	2,0	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
12	Lộ trước Nhà văn hóa Kiết Thông	C10	Đường huyện 61	Kênh Đường Lỗ	0,50	2,0	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
13	Lộ Bà Rắc (Đoạn 1)	C11	Đường huyện 63	Bà Rắc	0,30	2,0	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
14	Lộ Kênh Tả Lành (Đoạn 1)	C12	Đường huyện 61	Kênh Kênh Lọt 6	1,00	2,0	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
15	Lộ Khu dân cư Trại Do	C13	Lộ Kênh Lọt - Trại Do	Khu dân cư	0,65	2,0	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
16	Lộ cấp kinh Bào Rùa	C14	Lộ Kênh Lọt - Trại Do	Rạch Bào Rùa vào 600m	0,60	2,0	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
17	Lộ kênh Sóc Bưng	C15	Đường huyện 61	Đường huyện 63	0,36	2,0	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
18	Đường tỉnh 940 cũ - ấp Trại Do	C16	Đường tỉnh 940 cũ	Ranh huyện Mỹ Xuyên	0,90	3,5	BTCT	0,5 3,5 0,5	Nhựa	13	Nâng cấp, giao lộ
19	Đường tỉnh 940 cũ - ấp Kiết Bình	C17	Đường tỉnh 940 cũ	Đường tỉnh 940	2,00	2,0	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
20	Lộ cấp kinh Đường tỉnh 940 (Đoạn 1)	C18	Đường tỉnh 940 cũ	Trường Tiểu học	0,52	2,0	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
21	Lộ nhà bà Hai Anh đến Công Bưng Cỏi (Đoạn 1)	C19	Đường tỉnh 940 cũ	Kênh Công Bưng Cỏi	0,80	3,0	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
22	Lộ nhà bà Hai Anh đến Công Bưng Cỏi (Đoạn 2)	C19	Kênh Công Bưng Cỏi	Rạch Sa Kéo	1,95	1,5	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
23	Lộ kênh Rạch Trùn	C20	Đường huyện 63	Ranh xã Lâm Tân	2,10	1,5	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
24	Lộ cấp kinh Trại Tân	C21	Lộ cấp kinh Trại Tân	Ranh huyện Mỹ Xuyên	1,20	1,5	BTCT	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Nâng cấp, mở rộng
ĐƯỜNG NGÕ XÓM, QUY HOẠCH CÔNG HOA											
1	Lộ Kênh Ông Tạ - Phia Nam (Đoạn 2)	C31	Đường huyện 61	Rạch Trùn	0,80	-	Đi dân	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Quy hoạch công hoa
2	Lộ Bà Rắc (Đoạn 2)	C31	Bà Rắc	Đường huyện 61	0,32	-	Đi dân	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Quy hoạch công hoa
3	Lộ Kênh Tả Lành (Đoạn 2)	C12	Kênh Kênh Lọt 6	Ranh huyện Mỹ Xuyên	0,80	-	Đi dân	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Quy hoạch công hoa
4	Lộ cấp kinh Đường tỉnh 940 (Đoạn 2)	C18	Trường Tiểu học	Đường tỉnh 940	0,65	-	Đi dân	0,5 3,5 0,5	BTCT	13	Quy hoạch công hoa

HUYỆN MỸ XUYỀN

Vị trí bãi rác xã Lâm Kiết

Trạm cấp nước tập trung xã Lâm Kiết

CHÚ THÍCH:

- RANH XÃ
- RANH ẤP
- RANH KHU VỰC TRUNG TÂM XÃ
- ĐƯỜNG TỈNH HIỆN TRẠNG
- ĐƯỜNG HUYỆN HIỆN TRẠNG
- ĐƯỜNG XÃ, LIÊN XÃ HIỆN TRẠNG
- ĐƯỜNG XÃ, LIÊN XÃ QUY HOẠCH MỚI
- ĐƯỜNG ẤP, LIÊN ẤP HIỆN TRẠNG
- ĐƯỜNG ẤP, LIÊN ẤP QUY HOẠCH MỚI
- ĐƯỜNG NGÕ, XÓM HIỆN TRẠNG
- ĐƯỜNG NGÕ, XÓM THEO QUY HOẠCH
- TUYẾN DÂN CƯ
- TRƯỜNG MẦM NON
- TRƯỜNG TIỂU HỌC
- TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
- KHU HÀNH CHÍNH XÃ
- TRẠM Y TẾ XÃ
- NHÀ VĂN HÓA
- DI TÍCH, TÒN GIÁO
- TRỤ SỞ CÔNG AN XÃ
- BÃI RÁC
- KHU VĂN HÓA THỂ THAO
- TRẠM CẤP NƯỚC
- CHỢ

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ

Kiểm tra quyết định số: _____ ngày: _____ tháng: _____ năm: _____

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN THANH TRỊ

Kiểm tra từ hình số: _____ ngày: _____ tháng: _____ năm: _____

CHỖ ĐẤU TỤ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LÂM KIẾT

Kiểm tra từ hình số: _____ ngày: _____ tháng: _____ năm: _____

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÃ LÂM KIẾT

HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG, HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT

BẢN VẼ: QH05	GHÉP: 02 X A0	TỶ LỆ: 1/5.000	NGÀY: 12 / 2024
THẺ HIỆN:	KS. VÕ SỸ PHÚ		
THIẾT KẾ:	KTS. HUỖNH SONG TRĂNG		
CHỌI TRỊ:	Th.S KTS. HUỖNH THỊ THẢO NGUYỄN		
CHỌI NHẬN:	Th.S KTS. HUỖNH THỊ THẢO NGUYỄN		
QU. KỸ THUẬT:	Th.S NGUYỄN XUÂN VINH HIỀN		

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

Th.S VÕ TUẤN KIẾT

SỞ XÂY DỰNG QUẢN LÝ QUY HOẠCH XÃ LÂM KIẾT
TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: 12, CHÁU VĂN TIẾP, P.2, TP. ST. TEL: 02983.620.072 FAX: 02983.623004